

Số: 41/2025/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2025/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn chị Chu Thị N, sinh năm 1994.

- Bị đơn anh Đỗ Văn D, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2025/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Chu Thị N và bị đơn anh Đỗ Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Chu Thị N và bị đơn anh Đỗ Văn D.

2.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, giao con chung là cháu Đỗ Nhật A, sinh ngày 25/5/2013 (cháu khỏe mạnh phát triển bình thường) cho bị đơn anh Đỗ Văn D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con).

Nguyên đơn chị Chu Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Chu Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn chị Chu Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001365, ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả cho chị Chu Thị N số tiền 150.000 đồng còn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7 - Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 7 - Thái Nguyên;
- UBND xã Nà Phặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thái Công